

Số: 2195/QĐ-UBND

Phú Lợi, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu Dự toán ngân sách năm 2025 điều chỉnh
của Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LỢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp
Ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân phường Phú Lợi về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn; dự toán thu – chi ngân sách địa phương năm 2025 của phường Phú Lợi
sau sắp xếp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân phường Phú Lợi về việc điều chỉnh dự toán thu Ngân sách nhà
nước trên địa bàn; điều chỉnh thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách; Bổ sung
thu và thực hiện nhiệm vụ chi có mục tiêu cho phường Phú Lợi năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân phường Phú Lợi về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự
toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp
phường;*

*Căn cứ Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi về việc điều chỉnh dự toán thu Ngân sách nhà
nước trên địa bàn; điều chỉnh thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách; Bổ sung
thu và thực hiện nhiệm vụ chi có mục tiêu cho phường Phú Lợi năm 2025;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số
541/TTr-KTHTĐT ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc công bố công khai số liệu
Dự toán ngân sách năm 2025 điều chỉnh của Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi,*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 điều chỉnh của phường Phú Lợi (theo các biểu số 108/CK TC-NSNN; 109/CK TC-NSNN; 110/CK TC-NSNN; 111/CK TC-NSNN; 112/CK TC-NSNN đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân phường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, đoàn thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND;
- CT, các PCT;
- Lưu: VT, Mai KTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Công Khanh





CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025 ĐIỀU CHỈNH

(Dự toán đã được HĐND quyết định)

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	390.370.048.932	TỔNG SỐ CHI	390.370.048.932
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	18.685.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	23.470.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.910.000.000	II. Chi thường xuyên	354.184.487.432
III. Thu bổ sung	359.799.048.932	III. Dự phòng	12.615.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	216.690.000.000	IV. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	
- Bổ sung thực hiện CCTL	91.009.048.932	V. Chi nộp ngân sách cấp trên	100.561.500
- Bổ sung có mục tiêu	52.100.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn	8.976.000.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025 ĐIỀU CHỈNH

(Dự toán đã được HĐND quyết định)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	402.010.048.932	390.370.048.932
I	Các khoản thu 100%	18.685.000.000	18.685.000.000
	Phí, lệ phí	1.530.000.000	1.530.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích và Thu hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu sử dụng thuế phi nông nghiệp	13.970.000.000	13.970.000.000
	Thu khác	3.185.000.000	3.185.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14.550.000.000	2.910.000.000
1	Các khoản thu phân chia	14.550.000.000	2.910.000.000
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	14.550.000.000	2.910.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	0	
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		
	Thuế thu nhập cá nhân		

	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước		
	Thu tiền sử dụng đất		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	8.976.000.000	8.976.000.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		0
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	359.799.048.932	359.799.048.932
	Bổ sung cân đối ngân sách	216.690.000.000	216.690.000.000
	Bổ sung thực hiện CCTL	52.100.000.000	52.100.000.000
	Bổ sung có mục tiêu	91.009.048.932	91.009.048.932





Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025 ĐIỀU CHỈNH

(Dự toán đã được HĐND quyết định)

STT	Nội dung	Dự toán		
		Tổng số	ĐTPT	TX
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng chi	390.370.048.932	23.470.000.000	366.900.048.932
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục	197.609.000.000		197.609.000.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
3	Chi quốc phòng	10.482.000.000		10.482.000.000
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	16.978.444.000		16.978.444.000
5	Chi y tế	9.626.500.000		9.626.500.000
6	Chi văn hóa, thông tin	3.361.000.000		3.361.000.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	953.000.000		953.000.000
8	Chi thể dục, thể thao	1.040.000.000		1.040.000.000
9	Chi bảo vệ môi trường	921.000.000		921.000.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	36.034.000.000	23.470.000.000	12.564.000.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	77.348.698.432		77.348.698.432
12	Chi cho công tác xã hội	23.300.845.000		23.300.845.000
13	Chi khác	0		
14	Dự phòng ngân sách	12.615.000.000		12.615.000.000
15	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-		
16	Chi khác ngân sách (nộp trả ngân sách do hết nhiệm vụ chi)	100.561.500		100.561.500



09	Nâng cấp hẻm 243/54 Huỳnh Văn Lũy, khu 6		415.000.000		415.000.000		415.000.000		415.000.000		415.000.000
10	Nâng cấp hẻm 243/69 Huỳnh Văn Lũy, khu 6		815.000.000		815.000.000		815.000.000		815.000.000		815.000.000
11	Xây dựng cống thoát nước hẻm 633/20, khu 9		1.120.000.000		1.120.000.000		1.120.000.000		1.120.000.000		1.120.000.000
12	Xây dựng cống thoát nước hẻm 68 và 60 Lê Thị Trung, khu 4		800.000.000		800.000.000		800.000.000		800.000.000		800.000.000
13	Xây dựng cống thoát nước hẻm 589, tổ 82-83, khu 9		990.000.000		990.000.000		990.000.000		990.000.000		990.000.000
14	Nâng cấp hẻm 178/96, khu 7		350.000.000		350.000.000		350.000.000		350.000.000		350.000.000
15	Xây dựng hệ thống thoát nước hẻm 167 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 9		1.733.000.000		1.733.000.000		1.733.000.000		1.733.000.000		1.733.000.000
16	Xây dựng hệ thống thoát nước hẻm 189 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 9		2.117.000.000		2.117.000.000		2.117.000.000		2.117.000.000		2.117.000.000
17	Xây dựng hệ thống thoát nước Hẻm nhánh 424/11 Lê Hồng Phong, Khu phố 4		980.000.000		980.000.000		980.000.000		980.000.000		980.000.000
18	Xây dựng hệ thống thoát nước Hẻm 35 Thích Quảng Đức, Khu phố 2		652.000.000		652.000.000		652.000.000		652.000.000		652.000.000
3. Công trình chuẩn bị đầu tư			1.138.000.000	-	1.138.000.000		1.138.000.000	-	1.138.000.000		1.138.000.000
01	HTTN và mặt đường hẻm tổ 100, đường Phạm Ngọc Thạch (hộ dân Nguyễn Văn Thơ)		20.000.000		20.000.000		20.000.000		20.000.000		20.000.000
02	Nâng cấp mặt đường, cải tạo hệ thống thoát nước đường tổ 91, khu phố 7 (Đại lộ Bình Dương)		20.000.000		20.000.000		20.000.000		20.000.000		20.000.000
03	Xây dựng cống thoát nước hẻm 190 Lê Hồng Phong, khu 5		60.000.000		60.000.000		60.000.000		60.000.000		60.000.000
04	Xây dựng cống thoát nước hẻm 30, khu 4		60.000.000		60.000.000		60.000.000		60.000.000		60.000.000
05	Xây dựng cống thoát nước hẻm 70 Lê Thị Trung, khu 4		35.000.000		35.000.000		35.000.000		35.000.000		35.000.000

[illegible]

II. Vốn đầu tư công

(Dự toán đã được HĐND quyết định)

[illegible]

